

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VINAHENCO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VINAHENCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINAHENCO INVESTMENT AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110396925

3. Ngày thành lập: 23/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, Số 85 Phúc Thịnh, Ngõ 111, Tổ dân phố 16, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985793888

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Không bao gồm đầu giá tài sản	4511
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại, ký gửi hàng hoá (Trừ môi giới bất động sản)	4610
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ loại cấm)	4669
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

17.	Trồng cây lâu năm khác	0129
18.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
19.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
20.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
21.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
22.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
23.	Khai thác gỗ	0220
24.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
25.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
26.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	8299
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không bao gồm các hoạt động tư vấn, môi giới thế chấp và dịch vụ tư vấn và môi giới tài chính	6619
31.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng 2014) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây dựng 2014)	7110
32.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
33.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
34.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn tài nguyên nước - Tư vấn chuyên gia công nghệ - Tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước - Tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước - Thực hiện đánh giá tác động môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường - Hoạt động quan trắc môi trường - Khai thác nước dưới đất - Tư vấn xin giấy phép tài nguyên nước - Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường - Tư vấn xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	7490
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán buôn tổng hợp	4690
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
40.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
41.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
42.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
43.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
44.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
46.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
47.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
48.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
49.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
50.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
56.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
57.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
59.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
60.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700(Chính)

61.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
62.	Thu gom rác thải độc hại	3812
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
64.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
65.	Tái chế phế liệu	3830
66.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
67.	Xây dựng nhà để ở	4101
68.	Xây dựng nhà không để ở	4102
69.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
70.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
71.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn; - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
72.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
73.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	KIỀU THANH BÌNH	Việt Nam	Thôn Gia Cát, Xã Phú Lương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	100.000.000	10,000	008093001310	
2	TRƯỜNG QUỐC HOÀN	Việt Nam	Tổ dân phố 9, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	90,000	001078016852	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRƯỜNG QUỐC HOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/03/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078016852

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 9, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố 9, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội